###### THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Kính gửi:** Các đơn vị kinh doanh vật tư y tế.

**Bệnh viện Tim Hà Nội** trân trọng cảm ơn Quý đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện đang thực hiện lập kế hoạch mua sắm vật tư y tế gói thầu số 5: “Van tim nhân tạo, phổi nhân tạo” thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội theo các danh mục chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm thư mời này.

Bệnh viện Tim Hà Nội trân trọng mời Quý đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá vật tư y tế gói thầu số 5 “Van tim nhân tạo, phổi nhân tạo” thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội.

**1. Mục đích báo giá:** Làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**2. Thời hạn gửi báo giá:** Trước 16h30 ngày 12/5/2023.

**3. Yêu cầu báo giá:**

- Về giá: Giá theo thị trường đã bao gồm thuế VAT.

- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày phát hành.

- Về khối lượng, chất lượng: Nhà thầu đáp ứng đủ khối lượng, chất lượng, bảo hành và thông số kỹ thuật theo yêu cầu như trong phụ lục 1 đính kèm thư mời.

**4. Hình thức gửi báo giá:** Đề nghị Quý đơn vị sử dụng Mẫu báo giá tại phụ lục 2 đính kèm bản cứng (ký và đóng dấu), gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (đối với trường hợp gửi bưu điện, thời gian Bệnh viện nhận báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá).

**5. Địa điểm nhận báo giá:** Phòng Văn thư (tầng 4 nhà B) Bệnh viện Tim Hà Nội, số 92 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (trong giờ hành chính).

**6. Cần tìm hiểu thêm thông tin xin liên hệ:** Phòng Vật tư - Bệnh viện Tim Hà Nội. Điện thoại: 0388756935.

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm thư mời này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo!

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ**

*(Kèm theo Thư mời chào giá số 1515/TM-BVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội)*

| **STT** | **Tên vật tư, hóa chất** | **Thông số kỹ thuật cần đạt** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Van động mạch chủ sinh học từ màng ngoài tim bò | Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Elgiloy hoặc tương đương - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermaFix hoặc tương đương - Vòng khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van - Đế van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm. | Cái | 70 |
| 2 | Van động mạch chủ sinh học | Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van. - Đế van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm  - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm. | Cái | 8 |
| 3 | Van hai lá, động mạch chủ sinh học | - Loại van sinh học hai lá và van sinh học động mạch chủ - Thiết kế và chất liệu:  + Cánh van làm từ lá van tim lợn, khung van được phủ màng ngoài tim bò   + Vòng van có đánh dấu cản quang  + Khung van làm từ FlexFit hoặc Titan hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 25, 27, 29, 31, 33 mm (Van hai lá) và 19, 21, 23, 25, 27, 29 mm (Van động mạch chủ) | Cái | 40 |
| 4 | Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ, hai lá chất liệu màng ngoài tim bò | - Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ, hai lá loại có khung, cánh van được làm bằng màng ngoài tim bò. - Van hai lá được phủ chất tương thích sinh học carbofilm hoặc tương đương.  - Van động mạch chủ có đánh dấu vị trí khâu, được xử lý theo công nghệ giảm Phospholipid hoặc tương đương. | Cái | 70 |
| 5 | Van hai lá sinh học từ màng ngoài tim bò | Van hai lá sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Cấu trúc đáy van cong kiểu yên ngựa, khung bất đối xứng với phần phía lá trước dày hơn - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermaFix hoặc tương đương - Kích cỡ tối đa ≤ 33mm. | Cái | 35 |
| 6 | Van tim cơ học tính năng cao (Cả hai lá và động mạch chủ) | - Van tim nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ có cánh van làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương - Góc mở cánh van ≥ 78 độ. - Khung van ngoài làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương, khung bên trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương.  - Van hai lá được thiết kế có thể đặt ở bất cứ vị trí nào trên lỗ van.  - Van động mạch chủ có thiết kế ngồi trên lỗ van. | Cái | 133 |
| 7 | Van tim cơ học tính năng cao hai lá, động mạch chủ các cỡ | Loại van tim cơ học hai lá/động mạch chủ. - Chất liệu khung và cánh van: carbon nhiệt phân tinh khiết pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Góc mở cánh van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene hoặc tương đương, thiết kế kiểu vòng khâu đa dạng: + Van hai lá có tối thiểu các cỡ 25mm, 27/29mm và 31/33 mm + Van động mạch chủ có tối thiểu các cỡ: 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29 mm | Cái | 290 |
| 8 | Van tim nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ | Van nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ, được làm bằng: pyrolitic carbon hoặc tương đương.  - Van cơ học thiết kế gờ nổi - Góc đóng cánh van ≤ 25 độ, góc mở cánh van ≥ 85 độ  - Kích thước:  + Van cơ học hai lá có tối thiểu các size: 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm tương ứng với diện tích khả dụng: 3,17cm2; 3,84cm2; 4,59cm2; 5,35cm2; 5,35cm2. + Van cơ học động mạch chủ có tối thiểu các size: 19mm, 21mm, 23mm, 25mm tương ứng với diện tích khả dụng: 1,55cm2; 2,02cm2; 2,56cm2; 3,17cm2. | cái | 267 |
| 9 | Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh cao cấp | - Van tim nhân tạo, tráng hợp chất Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, tương thích sinh học chống huyết khối.  - Cánh van mở rộng ≥ 85 độ, tỷ số lỗ hở/ vành ≥ 84%  - Vòng van có đánh dấu, có khả năng uốn theo ôm khít vành van cũ. Vòng van và lá van có thiết kế kiểu ngồi trên đường viền van tự nhiên. Chiều cao van thấp.  - Có tính cản quang, tương thích khi chụp cộng hưởng từ. - Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau, tối thiểu có các cỡ 17,19,21,23,25,27,29 mm | cái | 133 |
| 10 | Van tim nhân tạo động mạch chủ kèm đoạn mạch chủ | Loại van tim nhân tạo cơ học kèm đoạn động mạch chủ. - Ống ghép động mạch chủ lên có cấu trúc valsalva mô phỏng cấu tạo hình học xoang. - Van động mạch chủ chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết hoặc tương đương - Góc mở lá van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng PTFE hoặc tương đương. - Tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29mm | cái | 15 |
| 11 | Van tim sinh học kèm đoạn mạch phổi các cỡ | Van tim sinh học kèm ống động mạch phổi chất liệu từ tĩnh mạch cảnh của bò  - Chiều dài ≤ 10cm  - Có các cỡ số chẵn từ 12mm đến 22mm | cái | 2 |
| 12 | Ống nối tim sinh học có gắn sẵn van | - Ống nối tim sinh học có gắn sẵn van, chất liệu từ màng ngoài tim bò, có dạng xếp nếp, thân ống có các rãnh lồi. - Các lá van được làm từ van tim của heo.  - Đường kính ống nối các cỡ số lẻ từ 5mm đến 29mm. Chiều dài ≤ 12cm. | Cái | 8 |
| 13 | Ống nối tim sinh học có van tim | - Ống nối tim sinh học có gắn sẵn van, chất liệu từ màng ngoài tim bò. - Van tim của heo.  - Đường kính ống nối các cỡ số lẻ từ 11mm đến 21mm. Chiều dài ≤ 12cm. | Cái | 7 |
| 14 | Vòng van tim hai lá, ba lá | - Vòng van hai lá loại nửa cứng nửa mềm, lõi được làm bằng hợp kim Nikel-Titanium hoặc tương đương, khung được làm từ sợi PET được phủ Carbofilm hoặc tương đương. - Vòng van ba lá loại mềm, có lõi Silicone hoặc tương đương được phủ Bari Sulfate hoặc tương đương, có tính cản quang; được phủ Carbofilm hoặc tương đương, có đánh dấu định vị khi khâu. | Cái | 150 |
| 15 | Vòng van nhân tạo ba lá thế hệ mới các cỡ | - Hình dạng: vòng van ba lá loại hở, dạng 3D, vòng cứng  - Chất liệu lõi: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc nitinol hoặc Cobalt-Chromium  - Vòng van phủ: Carbofilm hoặc silicone hoặc tương đương, bọc bên ngoài bởi vải polyester hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm | cái | 50 |
| 16 | Vòng van nhân tạo hai lá thế hệ mới các cỡ | - Hình dạng: vòng van hai lá loại kín, dạng 3D, vòng cứng  - Chất liệu lõi: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc nitinol hoặc Cobalt-Chromium  - Vòng van phủ: Silicone hoặc carbofilm hoặc tương đương, bọc bên ngoài bởi vải polyester hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm | cái | 100 |
| 17 | Vòng van tim nhân tạo hai lá loại bán cứng, vòng khít | Vòng van nhân tạo cong hình yên ngựa, vòng kín, lõi là bốn dải Cobalt-Chromium xen kẽ với các lớp polyester  - Hình dạng yên ngựa tối ưu, từ dạng chữ "D" đến hình dạng Oval ở các cỡ tăng dần. - Có ba marker bằng chỉ màu xanh  - Tháo tay cầm dễ dàng với chỉ một nhát cắt.  - Kích cỡ từ 24-40mm. | Cái | 150 |
| 18 | Phổi nhân tạo kèm dây cho các hạng cân | Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 8kg: - Lưu lượng máu tối đa: ≤ 800ml/phút  - Diện tích bề mặt màng : ≥ 0,34m2  - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: ≥ 0,02m2 - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: ≥ 675ml - Thể tích dịch mồi : ≥ 60ml Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 20kg:  - Lưu lượng máu tối đa: ≤ 2300ml/phút  - Diện tích bề mặt màng: ≥ 0,64 m2 - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt : ≥ 0,02m2 - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: ≥ 1800 ml  - Thể tích dịch mồi : ≥ 105 ml Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến ≥ 6000ml/ phút: - Diện tích màng lọc: ≥ 1,4m2 - Lưu lượng máu tối đa: ≥ 6000ml/phút  - Thể tích bình chứa : ≥ 4500ml  - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: ≥ 150ml  Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến ≥ 8000ml/phút:  - Diện tích màng lọc : ≥ 1,75m2 - Lưu lượng máu tối đa: ≥ 8000ml/phút  - Diện tích phần trao đổi nhiệt : ≥ 0,43m2  - Thể tích bình chứa: ≥ 4500ml  - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: ≥ 150ml  Bộ dây được bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone hoặc tương đương. Có kèm ống hút, cút nối, cannulae hút được tích hợp sẵn trong bộ dây ; được chia làm 2 gói Bộ dây đóng gói theo thiết kế phù hợp với hạng cân. | Bộ | 400 |
| 19 | Phổi nhân tạo kèm bộ dây dẫn | - Bề mặt bên trong phủ hợp chất hydrophilic polymer (E8) - Dung tích bình chứa: ≥ 4000 mL - Mức vận hành tối thiểu: ≥ 150 mL - Thể tích mồi: ≥ 260 mL - Diện tích bề mặt lớp màng: ≥ 1,4m2 - Diện tích bề mặt hệ thống trao đổi nhiệt: ≥ 0,2m2 - Dòng chảy máu tối đa: ≥ 6L/phút - Kèm bộ dây dẫn có đoạn bằng chất liệu PVC, đoạn khác chất liệu Silicone để kết nối với máy tim phổi nhân tạo. | Bộ | 100 |
| 20 | Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em cho hạng cân <10kg | - Thể tích dịch mồi: ≤ 250 ml - Diện tích màng lọc: ≥ 0,5 m2 - Lưu lượng máu tối đa: ≥ 1,5 lít /phút - Thể tích bình chứa: ≥ 1000 ml Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo | Bộ | 250 |
| 21 | Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch cho các hạng cân | 1. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân dưới 10kg: - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mồi: ≤ 260 ml - Diện tích màng lọc: ≥ 0,5 m2 - Diện tích màng lọc động mạch: ≥ 120 cm2 - Lưu lượng máu tối đa: ≥ 1,5 lít /phút - Thể tích bình chứa: ≥ 1000 ml 2. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân trên 10kg: - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mồi: ≤ 260 ml - Diện tích màng lọc: ≥ 1,5 m2 - Diện tích màng lọc động mạch: ≥ 350 cm2 - Lưu lượng máu tối đa: ≥ 1,5 lít /phút - Thể tích bình chứa: ≥ 3000 ml Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo | Bộ | 350 |
| 22 | Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch dùng cho người lớn trên 40kg kèm dây dẫn | - Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp.  + Thể tích mồi tĩnh: ≥ 260ml + Diện tích lớp màng: ≥ 1,5m2, có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc ≤ 25 micromet + Dung tích bình chứa: ≥ 4500ml + Lưu lượng máu tối đa: 7 lít/ phút - Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo đi kèm, chất liệu PVC, silicone hoặc tương đương, bao gồm 4 gói: gói dùng trên bơm, gói dùng tại bàn phẫu thuật, gói co nối và gói hút. | Bộ | 400 |
| 23 | Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em hạng cân 10-20kg kèm dây dẫn | - Phổi nhân tạo bao gồm:  + Diện tích bề mặt màng: ≥ 0,5 m2 + Thể tích mồi: ≥ 48ml + Bề mặt được phủ: Balance Biosurface hoặc tương đương + Thể tích bình chứa: ≥ 1200ml - Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo cho trẻ em đi kèm, chất liệu PVC, silicone hoặc tương đương, bao gồm 3 gói: gói dùng trên bơm, gói dùng tại bàn phẫu thuật và gói co nối. | Bộ | 150 |
| 24 | Quả lọc máu kèm dây dẫn và túi dịch, cho người lớn trẻ em | - Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone hoặc tương đương, có tính tương thích sinh học cao.  - Lọc được tối thiểu các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. + Diện tích bề mặt tối thiểu: ≤ 0,25m2 cho trẻ nhỏ và ≥ 0,68m2 cho người lớn + Thể tích dịch mồi: ≥ 45ml cho trẻ nhỏ và ≥ 137ml cho người lớn + Áp lực tối đa: ≥ 66kPa - Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải. | Quả | 300 |
| 25 | Quả lọc máu cho người lớn và trẻ em | Lọc được các chất Albumin, Myoglobin, Inulin, Vitamin B12. + Tiết diện màng lọc tối thiểu: ≤ 0,3m2 cho trẻ em và ≥ 1,1m2 cho người lớn + Thể tích dịch mồi: ≥ 22ml cho trẻ em và ≥ 70ml cho người lớn + Tốc độ dòng máu tối thiểu 100ml/phút, tối đa 500ml/phút + Áp lực tối đa: ≥ 66kPa | Quả | 400 |
| 26 | Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho người lớn | Chất liệu sợi lọc AN69HF hoặc tương đương - Thể tích máu: ≤ 160ml - Diện tích màng hiệu dụng: ≥ 0,8m2 - Thể tích mồi máu (Chỉ ở quả lọc): ≤ 70ml - Tốc độ dòng máu từ ≤ 80 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút | Quả | 550 |
| 27 | Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho trẻ nhũ nhi | Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi: - Chất liệu màng lọc: sợi rỗng PAES hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Thể tích máu trong bộ quả lọc: ≤ 60ml - Diện tích màng: ≥ 0,2 m2 - Tốc độ dòng máu từ ≤ 20 ml/phút đến ≥ 100 ml/phút  - Thể tích mồi máu (chỉ ở quả lọc): ≥ 17ml | Quả | 7 |
| 28 | Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục có hấp phụ cytokin và nội độc tố | Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)  - Chất liệu: Sợi rỗng AN69 hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Thể tích máu trong quả lọc: ≤ 200 ml - Diện tích màng: ≥ 1,4m2 - Tốc độ máu từ ≤ 100 đến ≥ 450 ml/ phút | Cái | 135 |
| 29 | Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn cho người lớn | Quả lọc tách huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc ≤ 130 ml - Diện tích màng hiệu dụng ≥ 0,35 m2 - Chất liệu màng lọc Polypropylene hoặc tương đương - Thể tích máu trong sợi lọc ≤ 50 ml - Tốc độ máu từ ≤ 100 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút | Quả | 60 |
| 30 | Bộ lọc máu hoàn hồi | Bộ lọc máu hoàn hồi bao gồm: - Bầu bơm ly tâm (bowl): kích cỡ bầu chứa 55ml, 125ml, 175ml, 225ml - Bình thu hồi máu - Phụ kiện vật tư tiêu hao | Bộ | 60 |
| 31 | Bộ phổi ECMO hoàn chỉnh bao gồm dây dẫn máu và đầu bơm ly tâm | Loại phổi ECMO phù hợp với máy tuần hoàn ngoài cơ thể của Terumo - Đóng gói đồng bộ phổi + dây dẫn máu + đầu bơm ly tâm  - Tráng chất chống đông  - Diện tích màng lọc ≥ 2,5m2 - Tổng thể tích mồi máu: ≤ 650ml - Lưu lượng tối đa: ≥ 7 lít/phút | Bộ | 29 |
| 32 | Màng trao đổi oxy ECMO dùng cho người lớn | - Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa ≥ 7 lít/phút - Lưu lượng khí tối đa ≥ 14 lít/phút - Thể tích mồi ≤ 215 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí ≥ 1,8 m2 - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt ≥ 0,4 m2 | Bộ | 20 |
| 33 | Màng trao đổi oxy không kèm dây dẫn dùng cho trẻ em dưới 20kg | - Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa ≥ 2,8 lít/phút - Lưu lượng khí tối đa ≥ 5,6 lít/phút - Thể tích mồi ≤ 90 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí ≥ 0,8 m2 - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt ≥ 0,15 m2 - Phủ chất chống đông máu | Bộ | 4 |
| 34 | Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng cho trẻ em dưới 20 kg | Bộ dây dẫn tuần hoàn phủ chất chống đông máu gồm 2 đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài: + Đường máu vào ≥ 215 cm + Đường máu ra ≥ 250 cm | Bộ | 4 |
| 35 | Cannulae động mạch tĩnh mạch Ecmo | Bộ cannulae bao gồm cannulae và dụng cụ mở đường vào mạch máu. - Cannulae có tráng chất chống đông, đường kính ngoài ≥ 5,5mm; chiều dài ≥ 15cm  - Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu gồm: 2 que nong dài ≥ 15cm, cỡ ≥ 8Fr; dây dẫn đường dài ≥ 80cm; ống tiêm; dao mổ | Cái | 48 |
| 36 | Bộ dây dẫn đường tĩnh mạch, động mạch | - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng, dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Chiều dài ≥ 100 cm | Bộ | 40 |
| 37 | Cannulae tĩnh mạch ECMO các loại các cỡ | - Phủ chất chống đông máu  - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài ≥ 38cm | Cái | 20 |
| 38 | Cannulae động mạch ECMO các loại các cỡ | - Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 15 Fr đến 23 Fr, chiều dài ≥ 15cm | Cái | 20 |
|  | **Tổng cộng: 38 mặt hàng** | | | |

**PHỤ LỤC 2 - MẪU BÁO GIÁ**

*(Kèm theo Thư mời chào giá số /TM-BVT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội**

Căn cứ Thư mời chào giá số……… /TM-BVT ngày…..……/……...../2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội, chúng tôi, Công ty…… xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá các vật tư y tế như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hóa chất, vật tư y tế** | **Thông số về kỹ thuật/ thành phần** | **Chủng loại (Model/ Ký mã hiệu)** | **Quy cách đóng gói** | **Tên thương mại** | **Hãng/ Nước sản xuất** | **Hãng/ Nước chủ sở hữu** | **Mã và giá tiền kê khai theo NĐ98/2021/ NĐ-CP** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng, đã bao gồm VAT)** | **Thành tiền (đồng, đã bao gồm VAT)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY** | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **GIÁM ĐỐC** | |
|  | ***Lưu ý***: | - Giá trên đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí khác. | | | | | | | | |  | |
|  |  | - Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu mã và giá tiền kê khai theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021. | | | | | | | | | | |